|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN HÀ ĐÔNG  **TRƯỜNG TIỂU HỌC PHÚ LƯƠNG II** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.** |
| Số: 106/BC-THPLgII | *Phú Lương, ngày 30 tháng 8 năm 2024* |

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

**Năm học 2024-2025**

Thực hiện Thông tư 09/2024/TT- BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy đinh về công khai trong hoạt động của cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Trường Tiểu học Phú Lương II công khai thông tin của nhà trường năm học 2023-2024 như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Phú Lương II**

**2. Cổng thông tin điện t*ử:***

***- Địa chỉ trụ sở chính****:* Tổ dân phố 07, Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội.

- ***Điện thoại****:* 02433530886

***Địa chỉ thư điện tử***: [c1phuluong2-hadong@hanoiedu.vn](mailto:c1phuluong2-hadong@hanoiedu.vn)

***Địa chỉ trang tin điện tử****:* [https://c1phuluong2.pgdhadong.edu.vn](https://c1phuluong1.pgdhadong.edu.vn/admin/)

3. **Loại hình của nhà trường:** Công lập

4. **Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường**

- S**ứ mệnh:** Kiến tạo một ngôi trường điển hình của sự năng động, hạnh phúc.

- T**ầm nhìn:** Trường TH Phú Lương II cam kết chung tay cùng gia đình và xã hội xây dựng một môi trường giáo dục hạnh phúc, giúp học sinh sống đoàn kết, trách nhiệm, yêu thương; phát triển tư duy sáng tạo; có khả năng thích ứng cao để trở thành những công dân toàn cầu

- **Mục tiêu của nhà trường**

**+ Mục tiêu chung:**

Duy trì, phát triển các tiêu chuẩn nhà trường đạt chuẩn quốc gia, trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là cơ sở giáo dục hiện đại, tiên tiến, phù hợp với xu thế phát triển của quận và thành phố.

**+ Mục tiêu cụ thể**:

Trường TH Phú Lương II được thành lập từ năm 1991 nằm trên địa bàn tổ dân phố 19 - phường Phú Lương với diện tích 7.968 m2, với 29 phòng học, 10 phòng chức năng và phòng hiệu bộ. Hơn 30 năm qua cùng với sự phát triển đi lên không ngừng của đất nước và sự nỗ lực của cán bộ giáo viên trong nhà trường. Trường Tiểu học Phú Lương II đã đạt được những thành tựu đáng kể góp phần vào sự phát triển ngành Giáo dục và Đào tạo. Chuẩn bị năm học 2024- 2025 Nhà trường có 52 cán bộ, giáo viên, nhân viên và có 1445 em học sinh chia 29 lớp. Vì thế hệ măng non chủ nhân tương lai của đất nước từ đó cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh không ngường phấn đấu học tập rèn luyện, hăng hái thi đua dạy tốt học tốt luôn đạt được các thành tích cao trong các cuộc thi như:

Trong 3 năm học gần đây năm nào nhà trường cũng được nhận giấy khen của UBND quận, UBND phường tặng giấy khen hoàn thành tốt nhiệm vụ;

- Năng lực chuyên môn của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên luôn được chú trọng bồi dưỡng và phát triển.

- Phổ cập ứng dụng CNTT trong quản lý, giảng dạy

- Có 67% Cán bộ quản lý có trình độ Thạc sĩ

- 93% giáo viên có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn.

**-** Chất lượng đạo đức, kỹ năng sống cua học sinh:

+ 100% rèn luyện tốt. Không có HS chưa đạt về đạo đức.

+ Học sinh được trang bị các kỹ năng sống cơ bản, tích cực tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện, tình nguyện.

- Phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng được xây dựng và trang bị các trang thiết bị hiện đại phục vụ dạy học đạt chuẩn quốc gia mức độ 1. Đánh giá ngoài đạt mức 2.

- Môi trường sư phạm đảm bảo Xanh - Sạch - Đẹp.

**5. Quá trình thành lập và phát triển*:***

Trường thành lập năm 1991, được tách ra từ Trường cấp 1,2 Phú Lương. Năm 2008 được chuyển địa giới về Hà Đông. Năm 2010 trường được công nhận chuẩn quốc gia mức độ 1. Công nhận lại, đánh giá ngoài đạt mức 1 năm 2015. Tiếp tục được công nhận lại, đánh giá ngoài đạt mức 2 vào tháng 5/2020. Trường liên tục đạt danh hiệu trường tiên tiến cấp quận các năm.

**6. Thông tin người đại diện pháp luật**

Họ và tên: Đinh Thị Bích Hảo

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Tổ dân phố 07, Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội.

Điện thoại:0989255528.

Địa chỉ thư điện tử: [c1phuluong2-hadong@hanoiedu.vn](mailto:c1phuluong2-hadong@hanoiedu.vn)

**7. Tổ chức bộ máy**

***a. Quyết định thành lập trường:***

+ Quyết định số 172 QĐ/UB ngày 31 tháng 8 năm 1991 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện Thanh Oai về việc tách trường PTCS thành trường PTCS cấp 1 và trường PTCS cấp II (nay là trường Tiểu học Phú Lương II trực thuộc phòng Giáo dục Đào tạo quận Hà Đông).

***b. Quyết định công nhận hội đồng trường:***

- Quyết định số 973/QĐ-PGDĐT ngày 26/9/2017 của Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo quận Hà Đông quyết định thành lập 82 Hội đồng trường mầm non, tiểu học, THCS công lập quận Hà Đông, nhiệm kỳ 2017-2022;

- Quyết định số 526/QĐ-PGDĐT ngày 17/5/2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Hà Đông về kiện toàn Hội đồng các trường tiểu học công lập trên địa bàn quận Hà Đông, nhiệm kỳ 2017-2022.

***c. Quyết định điều động bổ nhiệm Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng.***

- Quyết định số 1036/QĐ-UBND ngày 27/3/2020 của UBND quận Hà Đông về điều động, bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng trường Tiểu học Phú Lương II đối với đ/c Đinh Thị Bích Hảo.

- Quyết định số 952/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của UBND quận Hà Đông về bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Phú Lương II đối với đ/c Nguyễn Thị Thu Trà.

- Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 của UBND quận Hà Đông về bổ nhiệm lại chức vụ Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Phú Lương II đối với đ/c Nguyễn Thị Thu Trà.

- Quyết định số 1585/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 của UBND quận Hà Đông về điều động, bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Phú Lương II đối với đ/c Nguyễn Trọng Sự.

**d. Quy chế tổ chức hoạt động của cơ sở giáo dục, chức năng nhiệm vụ quyền hạn. Sơ đồ tổ chức bộ máy**

**\* Chức năng:** Trường TH Phú Lương II là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân. Trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

Trường TH Phú Lương II chịu sự chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của UBND quận Hà Đông. Đồng thời trường chịu sự quản lý của phòng Giáo dục và Đào tạo quận Hà Đông về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của Luật Giáo dục năm 2019 và Thông tư số 28 Điều lệ trường Tiểu học được ban hành ngày 4 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo.

**\* Nhiệm vụ:** Trường TH Phú Lương II thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ trường TH được ban hành kèm theo Thông tư số 28 Điều lệ trường Tiểu học được ban hành ngày 4 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo:

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

**II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN**

Thống kê đội ngũ giáo viên, nhân viên toàn thời gian theo nhóm vị trí việc làm và trình độ đào tạo, chuẩn nghề nghiệp và hoàn thành bồi dưỡng hàng năm:

| **TT** | **Đội ngũ giáo viên** | **Số lượng** | **Trình độ** | | | | **Chuẩn nghề nghiệp** | | | | **Hoàn thành Bồi dưỡng**  **hàng năm** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Cao đẳng | Đại học | Thạc sĩ | Tiến sĩ | SL  Khá | Tỉ lệ  % | SL  Tốt | Tỉ lệ  % | Số  lượng | Tỉ lệ  % |
| **1** | **Cán bộ quản lý** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Hiệu trưởng | 1 |  | 1 |  |  |  |  | 1 | 100% | 1 | 100% |
|  | Phó Hiệu trưởng | 2 |  |  | 2 |  |  |  | 2 | 100% | 2 | 100% |
| **2** | **Giáo viên** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Giáo viên THCS hạng I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Giáo viên TH hạng II | 9 |  | 9 |  |  |  |  | 9 | 100% | 9 | 100% |
|  | Giáo viên  TH hạng III | 19 |  | 18 | 1 |  |  |  | 19 | 100 % | 19 | 100% |
|  | Giáo viên  TH hạng III cũ | 1 | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 100% |
|  | Giáo viên  HĐ quận, HĐ trường | 14 | 2 | 12 |  |  |  |  | 12 | 85,7% | 14 | 100% |
| **3** | **Nhân viên** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Thiết bị thí nghiệm | 0 |  | 0 |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Thư viện | 1 |  | 1 |  |  |  |  | 1 | 100% | 1 | 100% |
|  | Kế toán | 1 |  | 1 |  |  |  |  | 1 | 100% | 1 | 100% |
|  | Thủ quỹ | 0 |  | 0 |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Văn thư | 1 |  | 1 |  |  |  |  | 1 | 100% | 1 | 100% |
|  | Y tế học đường | 1 |  | 1 |  |  |  |  | 1 | 100% | 1 | 100% |
|  | Hợp đồng 68/CP cũ | 2 | 1 | 1 |  |  |  |  | 1 | 50% | 2 | 100% |
|  | **Tổng** | **52** | **4** | **45** | **3** |  |  |  | **48** | **92,3%** | **52** | **100%** |

**II. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TÀI LIỆU HỌC TẬP SỬ DỤNG CHUNG**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **a** | **Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định** | **Số lượng** | **Bình quân** |
| **a.1** | Điểm trường | 1 |  |
| **a.2** | Diện tích khu đất xây dựng trường | 7.968 m2 |  |
| **a.3** | Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh |  | 5.5m2/HS |
| **b** | **Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật;**  **đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định** | **Số lượng** | **Yêu cầu tối thiểu theo quy định** |
| **b.1** | Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính | 5 |  |
| **b.2** | Khối phòng học tập | 29 | 1,1m2/hs |
| **b.3** | Khối phòng hỗ trợ học tập | 8 | 1m2/hs |
| **b.4** | Khối phụ trợ |  |  |
| **b.5** | Khu sân chơi, thể dục thể thao | 2692 m2 | 1,9m2/HS |
| **b.6** | Khối phục vụ sinh hoạt |  |  |
| **b.7** | Hạ tầng kỹ thuật |  |  |
| **c** | **Số thiết bị dạy học hiện có** | 4.103 bộ |  |
|  | Khối lớp 1 | 1.938 bộ |  |
|  | Khối lớp 2 | 743 bộ |  |
|  | Khối lớp 3 | 420 bộ |  |
|  | Khối lớp 4 | 611 bộ |  |
|  | Khối lớp 5 | 391 bộ |  |

***d. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.***

|  |  |
| --- | --- |
| **SÁCH GIÁO KHOA LỚP 1** | |
| **STT** | **Tên sách (nhà xuất bản)** |
| 1 | Tiếng Việt (Kết nối tri thức với cuộc sống) |
| 2 | Toán (Kết nối tri thức với cuộc sống) |
| 3 | Đạo đức (Kết nối tri thức với cuộc sống) |
| 4 | Tự nhiên xã hội (Kết nối tri thức với cuộc sống) |
| 5 | Mĩ thuật (Kết nối tri thức với cuộc sống) |
| 6 | Âm nhạc (Kết nối tri thức với cuộc sống) |
| 7 | Thể dục (Kết nối tri thức với cuộc sống) |
| 8 | Hoạt động trải nghiệm (Kết nối tri thức với cuộc sống) |
| 9 | Tiếng Anh (I Learn Smart Start) |

**SÁCH GIÁO KHOA LỚP 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **STT** | **Tên sách (nhà xuất bản)** |
| 1 | Tiếng Việt (Kết nối tri thức với cuộc sống) |
| 2 | Toán (Kết nối tri thức với cuộc sống) |
| 3 | Đạo đức (Kết nối tri thức với cuộc sống) |
| 4 | Tự nhiên xã hội (Kết nối tri thức với cuộc sống) |
| 5 | Mĩ thuật (Kết nối tri thức với cuộc sống) |
| 6 | Âm nhạc (Kết nối tri thức với cuộc sống) |
| 7 | Thể dục (Kết nối tri thức với cuộc sống) |
| 8 | Hoạt động trải nghiệm (Kết nối tri thức với cuộc sống) |
| 9 | Tiếng Anh (I Learn Smart Start) |

**SÁCH GIÁO KHOA LỚP 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **STT** | **Tên sách (nhà xuất bản)** |
| 1 | Tiếng Việt (Kết nối tri thức với cuộc sống) |
| 2 | Toán (Kết nối tri thức với cuộc sống) |
| 3 | Đạo đức (Kết nối tri thức với cuộc sống) |
| 4 | Tự nhiên xã hội (Kết nối tri thức với cuộc sống) |
| 5 | Mĩ thuật (Kết nối tri thức với cuộc sống) |
| 6 | Âm nhạc (Kết nối tri thức với cuộc sống) |
| 7 | Thể dục (Kết nối tri thức với cuộc sống) |
| 8 | Hoạt động trải nghiệm (Kết nối tri thức với cuộc sống) |
| 9 | Tiếng Anh (Wonderful World) |
| 10 | Tin học (Nhà xuất bản Đại học Vinh) |
| 11 | Công nghệ (Kết nối tri thức với cuộc sống) |

**SÁCH GIÁO KHOA LỚP 4**

|  |  |
| --- | --- |
| **STT** | **Tên sách (nhà xuất bản)** |
| 1 | Tiếng Việt (Kết nối tri thức với cuộc sống) |
| 2 | Toán (Kết nối tri thức với cuộc sống) |
| 3 | Đạo đức (Kết nối tri thức với cuộc sống) |
| 4 | Khoa học (Kết nối tri thức với cuộc sống) |
| 5 | Mĩ thuật (Bộ Chân trời sáng tạo) |
| 6 | Âm nhạc (Kết nối tri thức với cuộc sống) |
| 7 | Thể dục thể chất (Kết nối tri thức với cuộc sống) |
| 8 | Hoạt động trải nghiệm (Kết nối tri thức với cuộc sống) |
| 9 | Tiếng Anh (Wonderful World) |
| 10 | Tin học (Nhà xuất bản Đại học Vinh) |
| 11 | Công nghệ (Kết nối tri thức với cuộc sống) |
| 12 | Lịch sử và địa lý (Kết nối tri thức với cuộc sống) |

**SÁCH GIÁO KHOA LỚP 5**

|  |  |
| --- | --- |
| **STT** | **Tên sách (nhà xuất bản)** |
| 1 | Tiếng Việt (Kết nối tri thức với cuộc sống) |
| 2 | Toán (Kết nối tri thức với cuộc sống) |
| 3 | Đạo đức (Kết nối tri thức với cuộc sống) |
| 4 | Khoa học (Kết nối tri thức với cuộc sống) |
| 5 | Mĩ thuật (Bộ Chân trời sáng tạo) |
| 6 | Âm nhạc (Kết nối tri thức với cuộc sống) |
| 7 | Thể dục (Kết nối tri thức với cuộc sống) |
| 8 | Hoạt động trải nghiệm (Kết nối tri thức với cuộc sống) |
| 9 | Tiếng Anh (Wonderful World) |
| 10 | Tin học (Nhà xuất bản Đại học Vinh) |
| 11 | Công nghệ (Kết nối tri thức với cuộc sống) |
| 12 | Lịch sử và địa lý (Kết nối tri thức với cuộc sống) |

**IV. THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.**

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội (SGDĐT Hà Nội)

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1

- Mức độ đạt kiểm định: cấp độ 2

- Thời gian hiệu lực: Được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 vào năm 2010 và công nhận lại trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 năm 2015; ngày 29/9/2020 được UBND Thành phố Hà Nội công nhận lại từ ngày 29 tháng 9 năm 2020 đến ngày 29 tháng 9 năm 2025.

**V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2023-2024**

**1. Kết quả tuyển sinh**:

Tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường;

- Kết quả tuyển sinh năm học 2024-2025

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Kế hoạch** | **Thực tế** | **Ghi chú** |
| 1 | Khối lớp 1 | 336 | 295 | Thiếu chỉ tiêu |

- Tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối năm học 2023-2024

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Khối 1** | **Khối 2** | **Khối 3** | **Khối 4** | **Khối 5** |
| 1 | Số lớp | 7 | 5 | 6 | 5 | 6 |
| 2 | Số học sinh | 343 | 235 | 317 | 261 | 284 |
| 3 | Số HS bình quân/lớp | 49 | 47 | 52,8 | 52,2 | 47,3 |
| 4 | Số HS học 02 buổi/ngày | 343 | 235 | 317 | 261 | 284 |
| 5 | Số học sinh nữ | 161 | 111 | 134 | 130 | 126 |
| 6 | HS người dân tộc | 9 | 1 | 2 | 1 | 1 |
| 7 | HS khuyết tật, hoà nhập | 0 | 0 | 1 | 2 | 0 |

**2. Kết quả đào tạo**

**-** Quy mô: Số lớp học: 29 lớp, Số học sinh: 1440 em

**-** Chất lượng học tập năm học 2023-2024:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **T.số HS**  **Lớp 1,2,3,4** | **Các môn học và hoạt động giáo dục** | | **Năng lực chung**  **(Tốt & Đạt)** | **Năng lực đặc thù**  **(Tốt & Đạt)** | **Phẩm chất**  **(Tốt & Đạt)** | **Khen thưởng HS** | |
| **HTT và HT** | **Chưa HT** | **Xuất sắc** | **Tiêu biểu** |
| 1156 | 1154 em  = 99,8% | 2 em  = 0,2 % | 1156 em  = 100% | 1156em  = 100% | 1156 em  = 100% | 336 em  = 29 % | 97 em  = 8 % |
| **T.số HS**  **Lớp 5** | **Các môn học và hoạt động giáo dục** | | **Năng lực**  **(Tốt & Đạt)** | **Năng lực**  **(CCG)** | **Phẩm chất**  **(Tốt & Đạt)** | **Khen thưởng HS** | |
| **HTT và HT** | **Chưa HT** | **Xuất sắc** | **Vượt trội** |
| 284 | 283 em  = 99,6% | 1 em  = 0,4% | 283 em  = 99,6% | 1 em  = 0,4% | 28 em  = 100% | 103 em  = 36 % | 132 em  = 46% |

**VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH**

**\* Các khoản thu và mức thu:**

Thu theo đúng Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 29/03/2024 của HĐND thành phố Hà Nội về việc quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo tại các cơ sở mầm non, giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội; văn bản số 2120/SGDĐT-KHTC ngày 26/6/2024 của Sở giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2024–2025.

**VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC**

- Chi bộ nhà trường được xếp loại tổ chức Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Công đoàn, chi đoàn, Liên đội, Chi hội chữ thập đỏ tiếp tục duy trì tốt các hoạt động do cấp trên và nhà trường phát động.

- PGD quận kiểm tra hồ sơ Đơn vị học tập năm 2023 đạt 92/100 điểm. Đoàn kiểm tra ghi nhận và đánh giá cao việc triển khai tổ chức thực hiện tại nhà trường.

***1. Thành tích giáo viên:***

**a. Cấp Thành phố:**

+ 01 giải Ba thi Kỹ năng CNTT

+ 01 giải Nhì đá bóng nam công nhân, viên chức, lao động Cúp Báo Lao động thủ đô lần thứ IX, năm 2024.

**b. Cấp Quận:**

**+** Cuộc thi Kỹ năng CNTT cấp Quận có 1 đồng chí giáo viên tham gia và đạt giải Nhất .

+ Cuộc thi “**Xây dựng Bài giảng điện tử, Bài giảng điện tử STEM/STEAM, Thiết bị dạy học số và sản phẩm công nghệ thông tin**” cấp Quận có 01 **giải Nhất; 03 đạt giải Nhì;** 01 **giải Ba và** 01 **giải Khuyến khích.**

+ Hội thi Giáo viên giỏi cấp Quận có 02 giải Ba.

+ 6 đồng chí tham gia làm đề tài SKKN, kết quả 6 đồng chí được xếp loại Đạt cấp quận.

**2. Thành tích Học sinh đạt giải trong các kì thi cấp quốc gia, thành phố, cấp quận cụ thể như sau:**

**a. Cấp Quốc tế:** có 2 em đạt giải Olympic Toán học quốc tế Timo, trong đó: 1 giải Bạc, 1 giải KK.

**b. Cấp Quốc gia:**

***- Giải tập thể:***

**+** Giải Khuyến khích cấp quốc gia cuộc thi Nhảy Flashmob trên nền nhạc bài hát phòng chống thiên tai “Như cánh diều bay – Flying Kites” năm 2023

***- Giải cá nhân:***

Có 9 em đạt giải Olympic Toán học quốc tế Timo, trong đó: 1 giải Vàng, 1 giải Bạc, 7 giải Đồng.

**c. Cấp Thành phố:** Thi Trạng nguyên Tiếng Việt cấp Thành phố có 16 em đạt giải, trong đó: 3 giải Nhất, 4 giải Nhì, 5 giải Ba, 4 giải Khuyến khích; Đấu trường Toán học VioEdu cấp TP có 2 giải KK; 1 giải Ba môn Điền kinh.

**d. Cấp Quận:**

***\* Giải tập thể:***

**+ Đạt giải Nhất Liên hoan Hợp xướng học sinh cấp quận**

+ Đạt Giải Nhì Festival Tiếng Anh cấp quận

***\* Giải cá nhân:***

+ 1 Giải Nhất môn Điền kinh, 1 giải Nhì Bóng bàn đôi nam, 1 giải Nhì đá cầu đơn nam, 1 giải Ba đá cầu đôi nam.

+ 2 Giải Ba, 13 giải KK thi Olympic Tiếng Anh cấp quận.

+ Đấu trường Toán học VioEdu cấp Quận có 30 em đạt giải, trong đó: 2 giải Vàng, 3 giải Bạc, 12 giải Đồng, 13 giải KK.

+ Thi Trạng nguyên Tiếng Việt cấp Quận có 64 em đạt giải: 6 giải Nhất, 13 giải Nhì, 22 giải Ba, 23 giải KK.

+ Công tác từ thiện, nhân đạo: Tốt. Năm học 2023-2024, nhà trường ủng hộ, giúp đỡ những người gặp khó khăn, có hoàn cảnh đặc biệt, hưởng ứng các phong trào từ thiện như mua tăm ủng hộ người mù; Ủng hộ Quỹ “1000 đồng cùng em đến trường; Ủng hộ chương trình “Quyển vở yêu thương”; Ủng hộ chương trình tình nguyện mùa đông; Ủng hộ các nạn nhân trong vụ cháy Chung cư mi ni số nhà 37 ngách 29/70 phố Khương Hạ phường Khương Đình – Thanh Xuân – Hà Nội; Ủng hộ quỹ “Vì người nghèo” phường Phú Lương năm 2023; Ủng hộ Quỹ nhân đạo “Tết nhân ái”; Ủng hộ Quỹ vì biển đảo Việt Nam năm 2024….. được tổng số tiền: **123.099.000** đồng.

Trên đây là báo cáo thường niên thực hiện Thông tư 09/2024/TT- BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy đinh về công khai trong hoạt động của cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của Trường Tiểu học Phú Lương II./.

**HIỆU TRƯỞNG**

*(Đã kí)*

**Đinh Thị Bích Hảo**